

Số: 1447/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 9 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Dự án Phục hồi và quản lý bền vững  
rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi, vay vốn ODA  
của Chính phủ Nhật Bản**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

<b>CV ĐẾN</b>	Số:.....5.626.....
	Ngày: 27/9/2012
	Chuyên:.....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 06/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 1998 về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng;

Căn cứ Quyết định số 164/2008/QĐ-TTg ngày 11/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 06/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng;

Căn cứ Thông tư số 03/2007/TT-BKH ngày 12/3/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý chương trình, dự án ODA; Thông tư số 04/2007/TT-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án đầu tư Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (gọi tắt là Dự án JICA2), vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-BNN-KH ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ, vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BNN-TCCBKH, ngày 24/4/2012 của

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt vị trí việc làm của Ban Quản lý dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ;

Căn cứ Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Quản lý Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1360/NN&PTNT ngày 06/9/2012; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 777/SKHĐT- KTN ngày 13/9/2012 về việc phê duyệt Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi, vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi, vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản, với các nội dung chính như sau:

**1. Tên dự án:** Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Tên nhà tài trợ:** Chính phủ Nhật Bản (thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản - JICA).

**3. Cơ quan chủ quản:** UBND tỉnh Quảng Ngãi.

**4. Chủ đầu tư :** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**5. Đại diện chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi.

**6. Hình thức đầu tư:** Trồng rừng mới; bảo vệ rừng tự nhiên; khoanh nuôi có trồng bổ sung và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; xây dựng cơ sở hạ tầng lâm sinh; xây dựng cơ sở hạ tầng sinh kế và hỗ trợ phát triển sinh kế trong vùng dự án.

**7. Địa điểm đầu tư:** Tại địa bàn 09 xã thuộc 04 huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây và Tây Trà.

#### **8. Mục tiêu dự án**

- Phục hồi, phát triển và quản lý bền vững hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn;

- Phục hồi và bảo tồn đa dạng sinh học;

- Tăng cường năng lực quản lý cho chính quyền địa phương và chủ rừng phòng hộ;

- Hỗ trợ cải thiện sinh kế cho các cộng đồng dân cư, góp phần xóa đói giảm nghèo ở khu vực miền núi.

#### **9. Khối lượng đầu tư cụ thể**

- *Phát triển rừng phòng hộ:*

- + Trồng rừng mới: 2.800 ha.
- + Bảo vệ rừng: 3.200 ha.
- + Khoanh nuôi có trồng bổ sung: 600 ha.
- + Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 2.700 ha.
- *Phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh:*
  - + Đường lâm nghiệp: 40 km.
  - + Đường ranh cản lửa: 40 km.
  - + Chòi canh lửa rừng: 9 chòi.
  - + Trạm quản lý bảo vệ rừng: 4 trạm.
  - + Bảng thông tin tuyên truyền: 4 bảng.
  - + Vườn ươm: 4 vườn.
- *Phát triển cơ sở hạ tầng:* Đường bê tông giao thông nông thôn: 10 km.
- *Hỗ trợ phát triển sinh kế:*
  - + Mô hình trồng rừng cây keo lai hom, trồng mây dưới tán rừng;
  - + Trồng nấm, nuôi ong, hầm Biogas.
- *Kiểm soát phòng chống cháy rừng:*
  - + Mua sắm thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng;
  - + Đào tạo, tập huấn.

## 10. Vốn đầu tư

a) **Tổng mức đầu tư:** 1.072 triệu Yên Nhật, tương đương 289.600 triệu VND. Trong đó: Chi phí trực tiếp: 240.402 triệu VND; chi phí gián tiếp: 49.198 triệu VND.

### b) Nguồn vốn

- Vốn vay JICA: 246.844 triệu đồng.
- Vốn đối ứng (Ngân sách tỉnh): 42.756 triệu đồng.

### c) Phân bổ đầu tư cho các hạng mục

TT	Hạng Mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Tr.đồng)	Thành tiền (Tr.đồng)		
					Tổng	JICA	Đối ứng
1	Rà phá bom mìn, tẩy rửa chất độc	ha	2.800	2,63	7.364	7.364	
2	Phát triển rừng phòng hộ				76.881	76.881	
-	Trồng rừng mới	ha	2.800	21,03	58.872	58.872	
-	Bảo vệ rừng	ha	3.200	0,86	2.765	2.765	
-	Khoanh nuôi có trồng bổ sung	ha	600	7,01	4.206	4.206	
-	Khoanh nuôi tự nhiên	ha	2.700	4,09	11.038	11.038	
3	Hỗ trợ phát triển sinh kế				2.830	2.830	
4	Phát triển cơ sở hạ tầng sinh kế				10.844	10.844	

-	Đường bê tông nông thôn	km	10	1.084,39	10.844	10.844	
<b>5</b>	<b>Phát triển CSHT lâm sinh</b>				<b>12.458</b>	<b>12.458</b>	
-	Đường lâm nghiệp	km	40	224,35	8.974	8.974	
-	Đường ranh cản lửa	km	40	24,49	980	980	
-	Chòi canh lửa	chòi	9	120,97	1.089	1.089	
-	Trạm quản lý BVR	trạm	4	208,95	836	836	
-	Bảng thông tin tuyên truyền	bảng	4	6,19	65	65	
-	Vườn ươm	vườn	4	128,77	515	515	
<b>6</b>	<b>Kiểm soát phòng chống cháy rừng</b>				<b>1.344</b>	<b>1.344</b>	
-	Mua sắm thiết bị PCCCR	bộ	1	260,18	260	260	
-	Mua sắm xe ô tô (Pick-up)	xe	1	742,61	743	743	
-	Mua sắm xe máy	xe	6	28,64	172	172	
-	Đào tạo tập huấn			169,45	169	169	
<b>7</b>	<b>Dự phòng</b>				<b>128.681</b>	<b>128.681</b>	
-	Trượt giá				117.233	117.233	
-	Dự phòng khối lượng				11.448	11.448	
<b>8</b>	<b>Quản lý dự án</b>				<b>18.538</b>		<b>18.538</b>
-	Chi phí quản lý dự án				8.794		8.794
-	Trượt giá (12,6%)				9.744		9.744
<b>9</b>	<b>Thuế và các loại phí</b>				<b>24.218</b>		<b>24.218</b>
-	Thuế nhập khẩu				180		180
-	Thuế VAT (10%)				24.038		24.038
<b>10</b>	<b>Lãi suất khoản vay xây lắp (0.3%)</b>				<b>3.488</b>	<b>3.488</b>	-
<b>11</b>	<b>Phí cam kết (0.1%)</b>				<b>2.954</b>	<b>2.954</b>	-
	<b>Tổng cộng</b>				<b>289.600</b>	<b>246.844</b>	<b>42.756</b>

**d) Kế hoạch tài chính hằng năm của dự án (phân theo nguồn vốn):**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Năm	Tổng số	Nguồn vốn:	
			JICA	Đôi ứng
1	2012	527	-	527
2	2013	10.244	7.250	2.994
3	2014	90.079	79.780	10.299
4	2015	104.760	93.159	11.601
5	2016	53.732	46.659	7.073
6	2017	16.366	12.704	3.661
7	2018	8.412	5.745	2.667
8	2019	3.173	1.547	1.626
9	2020	1.476	-	1.476
10	2021	831	-	831
	<b>Tổng cộng</b>	<b>289.600</b>	<b>246.844</b>	<b>42.756</b>

## **11. Hiệu quả của dự án**

### **a) Về môi trường**

- Độ che phủ của rừng trong vùng dự án tăng lên, góp phần tăng độ che phủ rừng của tỉnh. Bảo đảm phòng hộ cho các lưu vực sông và hồ, đập thủy lợi trên địa bàn các huyện vùng dự án và trong tỉnh.

### **b) Về kinh tế - xã hội**

- Góp phần thực hiện mục tiêu phát triển và bảo vệ rừng giai đoạn 2010 - 2020 của tỉnh Quảng Ngãi.

- Cải thiện sinh kế cho người dân ở 9 xã vùng dự án.

- Nâng cao năng lực quản lý của cán bộ Ủy ban nhân dân xã, năng lực quản lý, năng lực triển khai thực hiện, công tác tổ chức của cán bộ 05 Ban quản lý rừng phòng hộ trong vùng dự án.

## **12. Thời gian thực hiện: Từ năm 2012 đến năm 2021.**

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Giám đốc Ban Quản lý Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện tham gia dự án để tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm của dự án đảm bảo đạt kết quả tốt theo đúng mục tiêu và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Ban Quản lý Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây và Tây Trà; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PVP (NL), KTTH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak490.

 **CHỦ TỊCH**  
  
**Cao Khoa**